TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 347/2020/DS-PT
Ngày: 14-9-2020
V/v tranh chấp: "Đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Em

Ông Nguyễn Thanh Triều.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Ngô Phúc Thẩm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp "Đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 239/2019/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 251/2020/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn L, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 10/6/2020)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Đặng Hoàng D, sinh năm 1983 (vắng mặt);

2. Chị Phan Thị P, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Lê Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên ông Lê Văn L trình bày:

Ông với ông T là người có đất liền kề với nhau tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Năm 2016 ông có chuyển nhượng cho vợ chồng ông D, bà P phần đất ngang 08m, dài khoảng 20m (nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) với giá 100.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng ông T cho rằng trong thửa đất này có 01 phần đất là của mình nên ông T có nhận của ông 50.000.000đồng. Khi nhận tiền ông T có ký tên vào giấy mua bán đất. Đến khoảng tháng 6/2018 ông được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó không có dính phần đất ông T nên việc ông T nhận của ông 50.000.000đồng là không đúng. Ông yêu cầu ông T trả lại ông 50.000.000đồng làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại biên bản hòa giải ngày 01/11/2019 và tại phiên tòa ông L trình bày: Năm 2016 do cần tiền nên khi biết anh D có nhu cầu mua đất cất nhà nên ông có rủ ông Nguyễn Văn T cùng bán đất cho anh D. Vì ông nghĩ phần đất tính từ lộ nhựa 863 ra phía ngoài kênh 28 ngang khoảng 1m, dài khoảng 20m là của ông T, từ phần đất của ông T ra đến kênh 28 ngang khoảng 3m, dài 20m là của ông. Ông và ông T cùng thỏa thuận bán phần đất này cho anh D với giá 100.000.000 đồng. Anh D giao ông 50.000.000đ và giao ông T 50.000.000đồng, ba bên có làm hợp đồng và ký tên vào ngày 22/7/2016. Sau khi bán đất xong, có người nói với ông là ông có giấy đất nên ông qua Ủy ban nhân dân xã T tìm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất ông đã bán cho anh D. Do phần đất ông đã bán cho anh D là thuộc quyền sử dụng đất của ông đã được cấp giấy vì vậy ông yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải trả cho ông 40.000.000đồng tiền do ông nhầm lẫn trong việc bán đất.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Mẹ ông T là bà Nguyễn Thị V có đứng tên 02 thửa đất số 488, diện tích 401m^2 và thửa 279, diện tích 2.035m^2 tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Hai thửa đất này khi làm lộ 863 đã bị chia cắt làm 02 phần, phần nằm trong lộ và phần nằm ngoài lộ giáp kênh 28 chạy dài đến đường củi nhỏ (phần ngoài lộ giáp kênh 28 phía chân lộ ra khoảng 1,5m) là của gia đình ông T, phần nằm phía ngoài mặt kinh cặp kinh 28 là của ông L nhưng đã sạc lỡ hết. Năm 2016 ông D, bà P có hỏi mua miếng đất dài 08m, ngang 20m ông L và ông T thống nhất bán và chia 02 số tiền mỗi người 50.000.000đồng. Hiện nay phần đất nằm giáp kênh 28 đã sạc lỡ, nếu tính từ mí sông tới mép lộ 863 thì còn khoảng 01m, tức phần đất của ông T không còn. Ông L có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 109m^2 trong khi bán cho anh D là 180m^2. Nếu thời điểm bán đất ông T không thừa nhận ông có đất thuộc phần chuyển nhượng cho ông D thì không lý do gì

ông chịu chia 02 số tiền bán đất. Ông T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Hoàng D trình bày*:

Ngày 22/7/2016 vợ chồng anh có làm hợp đồng mua đất với ông Lê Văn L và ông Nguyễn Văn T với số tiền chuyển nhượng là 100.000.000đồng. Anh giao cho ông L và ông T mỗi người 50.000.000đồng và nhận đất ngang 08m, dài 20m là 160m^2. Khi bán đất ông L và ông T cùng thống nhất phần đất nằm cặp lộ 863 là của ông T, phần đất ông L tiếp giáp đất ông T và cặp kênh 28 đã sạc lỡ. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T anh không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị P không có ý kiến trình bày.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 239/2019/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: các điều 147, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả cho ông Lê Văn L số tiền 40.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 02/12/2019, nguyên đơn ông Lê Văn L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Nguyễn Văn T trả lại cho ông số tiền 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L và đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông T là chị Nguyễn Thị X thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể: Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho ông L số tiền 16.600.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của đương sự.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn L, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Hoàng D và chị Phan Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông Lê Văn L khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T trả lại số tiền 50.000.000 đồng do ông nhầm lẫn trong việc bán đất, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "Đòi tài sản" là phù hợp với quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Văn L yêu cầu ông T trả lại số tiền 50.000.000 đồng do ông cho rằng tổng số tiền có được từ việc bán đất là của ông với số tiền 100.000.000 đồng, ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy ngày 22/7/2016 ông L và ông T cùng ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Đặng Hoàng D, chị Phan Thị P diện tích 160m^2 tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang với giá 100.000.000 đồng. Anh D, chị Phấn đã giao 50.000.000 đồng cho anh L và giao 50.000.000 đồng cho anh T, đồng thời anh D, chị P đã sử dụng phần đất này từ khi nhận chuyển nhượng cho đến nay. Ông L cho rằng phần đất ông với ông T cùng thỏa thuận bán cho anh D là thuộc quyền sử dụng của ông, hiện ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 109m^2, chị X cho rằng phần đất bán cho anh D có một phần là của ông T nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định nên không đồng ý trả lại 50.000.000 đồng tiền bán đất cho ông L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L và đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông T là chị Nguyễn Thị X thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể: Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho ông L số tiền 16.600.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Văn L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166, Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn L. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 239/2019/DS-ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn L số tiền 16.600.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T không thực hiện trả số tiền trên thì ông T còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thực hiện.

2. Về án phí: Ông Lê Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, ông L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002620 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nên xem như ông L đã nộp xong án phí phúc thẩm. Hoàn lại ông L số tiền 1.250.000 đồng theo biên lai số 10162 ngày 24/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu 830.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Phòng KTNV &THA TAT;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diệp Thúy